

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng
vay vốn tại các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND số 31/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2012/NQ-HĐND ngày 20/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI (kỳ họp thứ 5) về việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định tạm thời một số quy định về hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng để phát triển sản xuất từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh tại Văn bản số 01/NHNN-HT14 ngày 11/01/2013 trên cơ sở ý kiến của các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng vay vốn tại các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND, UBMTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Minh Kỳ

(Handwritten signatures)

QUY ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ lãi suất cho các khách hàng
vay vốn tại các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2013/QĐ-UBND ngày 17/01/2013
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng:

1. Các đối tượng vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn để đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong một số lĩnh vực nhằm góp phần phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

2. Các tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật thực hiện hỗ trợ lãi suất, bao gồm: Các ngân hàng thương mại, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trên địa bàn tỉnh (gọi chung là các tổ chức tín dụng).

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh:

1. Một khoản vay của khách hàng thuộc phạm vi thụ hưởng của nhiều chính sách hỗ trợ lãi suất tiền vay, thì khách hàng chỉ được lựa chọn để hưởng một chính sách hỗ trợ lãi suất.

2. Các khoản vay quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ và thời gian vay thực tế vượt quá thời gian được hỗ trợ lãi suất theo quy định thì không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ, gia hạn nợ và vượt quá thời gian được hỗ trợ.

3. Không được hỗ trợ lãi suất cho các khoản vay không thuộc đối tượng quy định và các khoản vay đảo nợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

1. “Phương án, dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả” tại Quy định này được hiểu là các phương án, dự án sản xuất kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn theo quy định của các tổ chức tín dụng, trong đó cơ bản nhất là chứng minh được khả năng hoàn trả được nợ (nợ gốc và nợ lãi) đầy đủ, đúng hạn cho tổ chức tín dụng.

2. “Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn” tại Quy định này được hiểu là các khách hàng thuộc ngành nông, lâm, thủy sản trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

3. “Chủ trang trại” tại Quy định này được hiểu là các Chủ hộ được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận trang trại theo quy định của pháp luật.

4. “Cho vay đồng tài trợ” tại Quy định này được hiểu là một dự án hoặc phương án do nhiều tổ chức tín dụng cùng cho vay mà việc cho vay đó theo đúng quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về cho vay đồng tài trợ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn để hỗ trợ lãi suất được trích từ ngân sách tỉnh và được cân đối trong kế hoạch thu, chi ngân sách địa phương năm 2013.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5: Đối tượng khách hàng vay vốn được hỗ trợ lãi suất:

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chủ trang trại có phương án, dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, có đủ điều kiện vay vốn, không có nợ xấu, vay vốn nhằm mục đích:

- Trồng các loại cây hàng năm: Lúa, ngô, lạc, cây lương thực có hạt khác, cây lấy củ có chất bột, rau, đậu, nấm các loại.

- Trồng cây lâu năm: Cam, bưởi, quýt, táo, mận, hồ tiêu, cao su, chè, nhãn, dược liệu; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

- Chăn nuôi trâu, bò, lợn, dê, hươu, gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng).

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (các sản phẩm trên).

- Cung cấp các dịch vụ nông nghiệp.

- Khai thác, nuôi trồng thủy sản: thủy sản biển, thủy sản nội địa, thủy sản nước lợ, thủy sản nước ngọt.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất: Thiết bị điện, máy chuyên dụng (máy nông nghiệp, lâm nghiệp), dệt, may, các sản phẩm từ mây, tre, nứa, giấy và sản phẩm từ giấy.

3. Các nhà đầu tư dự án xây dựng khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội hoặc nhà ở cho người thu nhập thấp tại các khu kinh tế, khu công nghiệp mà các dự án đó được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhà đầu tư tự bỏ vốn đầu tư dự án đó.

4. Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác có sử dụng thường xuyên nhiều lao động (từ 300 lao động trở lên, nộp bảo hiểm xã hội thường xuyên từ đầu năm 2012 đến thời điểm vay vốn) có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm Xã hội tại địa bàn đóng trụ sở (tỉnh hoặc huyện).

Điều 6. Thời gian và mức hỗ trợ lãi suất:

1. Hỗ trợ lãi suất thời gian tối đa 12 tháng cho các khoản vay mới ngắn hạn, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam, được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2013.

2. Mức hỗ trợ lãi suất: 4%/năm tính trên số tiền vay và thời hạn vay thực tế nằm trong khoảng thời gian được hỗ trợ.

Điều 7. Phương thức và quy trình hỗ trợ lãi suất:

1. Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, các tổ chức tín dụng thu toàn bộ lãi vay theo hợp đồng tín dụng và lập Giấy xác nhận số tiền lãi hỗ trợ phải trả; khi kết thúc kỳ hỗ trợ lãi suất, chậm nhất sau 7 ngày làm việc từ khi được ngân sách cấp nguồn hỗ trợ lãi suất, các tổ chức tín dụng chuyển trả cho khách hàng số tiền lãi được hỗ trợ và lập Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất. Giấy xác nhận số tiền lãi hỗ trợ phải trả và Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất có xác nhận của khách hàng và tổ chức tín dụng. (Các giấy xác nhận được lập 2 bản, 1 bản lưu hồ sơ tín dụng, 1 bản gửi cho khách hàng). Giấy xác nhận số tiền lãi hỗ trợ phải trả lập từng lần ngay sau khi khách hàng trả lãi, Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất lập một lần vào thời điểm mà các tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số lãi được hỗ trợ cho khách hàng sau khi kết thúc kỳ hỗ trợ lãi suất.

2. Căn cứ báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất của các tổ chức tín dụng và Bảng kê tổng hợp định kỳ (tháng, quý hoặc cuối kỳ hỗ trợ) có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, chậm nhất sau 7 ngày làm việc Sở Tài chính chuyển tối đa 90% số tiền lãi hỗ trợ cho các tổ chức tín dụng.

3. Chậm nhất sau 01 tháng kể từ khi kết thúc kỳ hỗ trợ lãi suất, các tổ chức tín dụng lập Bảng kê tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của từng Tổ chức tín dụng có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính kiểm tra và trình UBND tỉnh Quyết định duyệt phân bổ tiền hỗ trợ lãi suất và quyết toán số tiền đã hỗ trợ lãi suất với tổ chức tín dụng trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ của các tổ chức tín dụng.

Điều 8. Trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Đối với khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a. Thực hiện các quy định về vay vốn, hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định này. Thực hiện các quy định của tổ chức tín dụng về thủ tục vay vốn, điều kiện vay vốn, thủ tục hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo theo quy định. Sử dụng vốn vay đúng mục đích. Nghiêm cấm việc vay đảo nợ và sử dụng vốn sai mục đích. Mỗi dự án, phương án sản xuất chỉ được hỗ trợ lãi suất vay tại một tổ chức tín dụng (trừ các dự án, phương án do nhiều tổ chức tín dụng cho vay đồng tài trợ thì được hỗ trợ lãi suất tại các tổ chức tín dụng cho vay).

b. Tổ chức hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho tổ chức tín dụng sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của Pháp luật.

c. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền (khi có yêu cầu).

2. Các tổ chức tín dụng:

a. Thực hiện quy trình hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay theo đúng quy định. Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất, trực tiếp kiểm tra việc sử dụng vốn vay; tổng hợp quyết toán báo cáo Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất.

b. Bổ sung các nội dung về hỗ trợ lãi suất trong hợp đồng tín dụng theo quy định.

c. Áp dụng cơ chế cho vay và lãi suất cho vay thông thường đối với các nhu cầu vay vốn thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất phù hợp với quy định tại Quy chế cho vay theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Có quyền từ chối cho vay các nhu cầu vay vốn không đáp ứng các điều kiện vay vốn theo quy định.

d. Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để bảo đảm việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng sử dụng vốn sai mục đích kịp thời thu hồi và nộp ngân sách ngay số lãi đã hỗ trợ. Báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Tài chính và UBND tỉnh để xử lý hoặc khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng trong trường hợp không thu hồi được.

đ. Hạch toán, theo dõi toàn bộ số lãi vay được hỗ trợ lãi suất (tạm ứng và quyết toán) do Sở Tài chính chuyển vào các tài khoản riêng theo chế độ kế toán của các tổ chức tín dụng.

c. Theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc báo cáo Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền.

g. Lưu hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các hồ sơ, tài liệu về cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định.

3. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh:

a. Chỉ đạo, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể để các tổ chức tín dụng thực hiện quy trình, hồ sơ, thủ tục cho vay hỗ trợ lãi suất, các mẫu giấy tờ cần thiết và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b. Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ lãi suất của các tổ chức tín dụng khi có yêu cầu.

c. Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất của từng tổ chức tín dụng trên địa bàn toàn tỉnh vào thời điểm kết thúc hỗ trợ lãi suất làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt.

d. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; tổng hợp kết quả cho vay hỗ trợ lãi suất hàng tháng và cuối kỳ báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính:

a. Chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính các huyện, thành phố, thị xã xác nhận kết quả số tiền hỗ trợ lãi suất cuối kỳ hỗ trợ của từng tổ chức tín dụng cấp huyện, làm cơ sở cho việc tổng hợp số tiền hỗ trợ lãi suất.

b. Định kỳ (tháng, quý hoặc cuối kỳ) cấp ứng 90% số tiền hỗ trợ lãi suất theo đề nghị của các tổ chức tín dụng (có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh). Chủ trì kiểm tra, quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất của các Tổ chức tín dụng vào cuối kỳ hỗ trợ làm cơ sở trình UBND tỉnh phê duyệt.

c. Chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra việc hỗ trợ lãi suất khi có yêu cầu.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Hà Tĩnh chủ trì phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Tài chính đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung trong Quy định này đến các đối tượng vay vốn và các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

6. Các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ vào các yêu cầu nêu trong quy định này có trách nhiệm xác nhận các nội dung, các hồ sơ theo quy định để tạo điều kiện cho các khách hàng vay vốn và thụ hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất thuận lợi và đúng quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định và định kỳ 6 tháng 1 lần báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Quyết định này.

Điều 10. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề phát sinh, các cơ quan, tổ chức, UBND các huyện, thành phố, thị xã kịp thời phản ánh về Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và Sở Tài chính để tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

[Signature]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *hh*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
* Trần Minh Kỳ